

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2023/HS-ST

Ngày 11-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đàm Thanh.

Bà Hoàng Thị Lâm.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Trương Văn Nhường, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:**
Ông Lục Đức Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 834/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

1. **Vũ Thiên T**, tên gọi khác: không, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1984 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐHKTT: Tổ 01, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở: Xóm N, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân L, sinh năm 1952 và bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1957; có vợ là Lê Thị N, sinh năm 1985 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. (có mặt).

2. **Vũ Thiên T1**, tên gọi khác: không, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1989 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐHKTT và chỗ ở: Tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 11/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân L, sinh năm 1952 và bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1957; có vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1996 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có; hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú; (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thiên T:* Bà Hà Thị H1-Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C.(có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Vương Văn T2, sinh năm 1991; Trú tại: xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Ma Văn M, sinh năm 1980; Trú tại: Tổ A, Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Nông Thị D, sinh năm 1976; Trú tại: xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

4. Ma Hữu K, sinh năm 1990; Trú tại: Ban chỉ huy quân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Vương Văn T3, sinh năm sinh năm 1972; Trú tại: Tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Nông Đại L2, sinh năm 1984; Trú tại: xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

7. Nông Thị H2, sinh năm 1963; Trú tại: xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

8. Đỗ Hải M1, sinh năm 1981; Trú tại: Tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

9. Hoàng Văn H3, sinh năm 1987; Trú tại: Xóm T, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

10. Đặng Anh T4, sinh năm 1994; Trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

11. Triệu Văn N1, sinh năm 1987; Trú tại: Tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

12. Lê Thị N, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

13. Trần Quốc V, sinh năm 1982; Trú tại: Tổ A, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Vũ Thiên T (sinh ngày 06/02/1984; Tại thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng) được Phòng tài chính Kế hoạch huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp giấy phép hộ kinh doanh số 11L80000134 với ngành nghề kinh doanh gồm: Dịch vụ Karaoke, ăn uống, lưu trú du lịch; dịch vụ cầm đồ, hàng giải khát; dịch vụ mua, bán nông sản. Lợi dụng việc kinh doanh dịch vụ cầm đồ, từ năm 2018, Vũ Thiên T bắt đầu thực hiện hành vi cho nhiều người dân sinh sống và làm việc trên địa

bàn huyện T, tỉnh Cao Bằng vay tiền với lãi suất cao, lãi suất từ 3.000 đồng/01triệu/01 ngày đến 25.000đồng/1.000.000 đ/01 ngày, tương mức đương mức lãi suất từ 108%/năm đến 900%/năm, gấp mức lãi suất tối đa quy định trong Bộ luật dân sự từ 5,4 lần đến 45 lần. Khi cho vay, T chuẩn bị hợp đồng vay tiền theo mẫu đã soạn sẵn để người vay tiền tự điền thông tin cá nhân và ký nhận khi vay tiền. Đối với một số người đến vay tiền, Vũ Thiên T yêu cầu để lại tài sản như điện thoại di động, xe mô tô, giấy tờ tùy thân và giấy tờ có giá trị như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại một số trường hợp vay tiền, T không yêu cầu để lại giấy tờ, tài sản gì. Việc trả tiền lãi, tiền gốc vay được thực hiện giao dịch chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng của bị cáo và trực tiếp trao đổi và trả bằng tiền mặt. Cụ thể như sau:

1. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/8/2018 đến ngày 15/9/2018. Vũ Thiên T cho **Vương Văn T2** (sinh năm: 1991, trú tại: xóm H, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng) vay tiền 02 lần, trong đó xác định lần vào ngày 06/8/2018, Vương Văn T2 vay Vũ Thiên T số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi năm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 108%/năm). Sau khi thỏa thuận, T đã đưa cho T2 số tiền 25.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản cho T2 số tiền 10.000.000đồng thông qua số tài khoản 8310205016773. Khi vay tiền, T2 và T có làm hợp đồng vay tiền nhưng không cầm cố tài sản gì. Hàng tháng, T2 phải trả tiền lãi cho T 3.150.000đồng trên một tháng. Từ ngày 06/8/2018 đến ngày 11/10/2019, T2 đã chuyển khoản trả tiền lãi cho T 18 lần với tổng số tiền là 67.800.000 đồng (sáu mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Đến ngày 11/10/2019 T2 đã trả cho T 35.000.000 đồng tiền gốc bằng tiền mặt và kết thúc khoản vay này. Xác định số tiền T cho T2 vay 35.000.000đồng đã thu lợi bất chính là 59.514.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng), với mức lãi suất thực tế trong khoản vay này là 4.484 đồng/1.000.000đồng/01ngày, tương đương 163,7%/01 năm và vượt gấp 8,2 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Trong khoảng thời gian từ ngày 16/02/2019 đến ngày 20/4/2020, Vũ Thiên T cho **Ma Văn M** (sinh năm: 1980; trú tại: Tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng) vay tiền 07 lần với tổng số tiền là: 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng), tổng số tiền lãi đã thu là: 10.190.000 đồng (mười triệu một trăm chín mươi nghìn đồng). Việc cho vay và trả gốc, trả lãi được thực hiện thông qua số tài khoản 8310205007057 của Ma Văn M và số tài khoản 8310205016773 của Vũ Thiên T. Những lần chuyển tiền cho M vay, T thường ghi nội dung “A M2 muon” và mỗi lần trả tiền thì M thường ghi nội dung “A M2 tra”. Cụ thể những lần vay và trả gốc, lãi như sau:

- Lần thứ nhất, ngày 16/02/2019, Ma Văn M vay Vũ Thiên T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 216%/năm), cùng ngày T đã chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho Ma Văn M. Đến ngày 22/02/2019, M chuyển khoản trả T số tiền 10.420.000 đồng bao gồm 10.000.000 đồng tiền gốc là 420.000 đồng tiền lãi cho khoản vay này.

- Lần thứ hai, ngày 25/02/2019, Ma Văn M vay Vũ Thiên T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/1.000.000đồng/01 ngày (tương đương 216%/ năm), sau đó T đã chuyển khoản số tiền 10.000.000đồng cho Ma Văn M. Đến ngày 05/3/2019, Ma Văn M đã chuyển khoản trả cho T số tiền 10.600.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng tiền gốc vay, và 600.000 đồng tiền lãi.

- Lần thứ ba, ngày 13/3/2019, Ma Văn M vay Vũ Thiên T số tiền 10.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (tương đương 216%/ năm), cùng ngày T đã chuyển khoản số tiền này vào tài khoản của Văn M. Đến ngày 16/3/2019 thì M chuyển khoản trả cho T số tiền 10.240.000 đồng bao gồm 10.000.000 đồng tiền gốc vay, và 240.000 đồng tiền lãi.

- Lần thứ tư, ngày 18/3/2019, Ma Văn M vay T số tiền là 10.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 216%/năm), sau đó T đã chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản của Ma Văn M. Đến ngày 25/3/2019, Ma Văn M đã chuyển khoản trả cho T số tiền 10.540.000 đồng bao gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 540.000 đồng tiền lãi cho khoản vay này.

- Lần thứ năm, ngày 04/5/2019, Ma Văn M lại vay Vũ Thiên T số tiền 15.000.000đồng (mười năm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 6.000^d đồng/1.000.000đồng/01ngày (tương đương 216%/năm), cùng ngày T đã chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản của Ma Văn M. Đến ngày 27/5/2019, Ma Văn M chuyển khoản trả cho T số tiền 16.980.000 đồng, bao gồm 15.000.000 đồng tiền gốc vay và 1.980.000 đồng tiền lãi .

- Lần thứ sáu, ngày 24/6/2019, M vay T số tiền 15.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày-(tương đương 216%/ năm) và T đã chuyển khoản số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản của M. Ngày 17/7/2019, Ma Văn M đã chuyển khoản cho T số tiền 2.700.000 đồng là tiền lãi của khoản vay này. Đến ngày 12/8/2019 M lại chuyển khoản trả cho T số tiền 16.710.000 đồng, bao gồm 15.000.000 đồng tiền gốc vay và 1.710.000 đồng tiền lãi của khoản vay này.

- Lần thứ bảy, ngày 20/4/2020, M tiếp tục vay T số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 216%/năm), T đã chuyển khoản số tiền này vào tài khoản của Ma Văn M. Ngày 20/6/2020, M chuyển khoản trả cho T số tiền 2.000.000 đồng là tiền lãi của khoản vay này. Đến ngày 25/6/2020 thì M chuyển khoản trả T số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc và kết thúc khoản vay.

Xác định tổng số tiền Vũ Thiên T cho Ma Văn M 07 lần nêu trên T đã thu lợi là 10.190.000đồng (mười triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó xác định số tiền thu lợi bất chính là 9.061.000 đồng (chín triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng) và với lãi suất thực tế là từ 2.985 đồng đến 6.750 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 109% đến 246,4%/01 năm, gấp 5,4 lần đến 12,3 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Vũ Thiên T cho **Nông Thị D** (sinh năm 1976, trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng) vay tiền 01 lần với số tiền 200.000.000 đồng. Cụ thể:

Ngày 13/3/2019, Nông Thị D vay Vũ Thiên T số tiền 200.000.000 đồng với mục đích để đáo hạn ngân hàng và hai bên thỏa thuận lãi suất là 5% trên tổng số tiền vay. Cùng ngày, Vũ Thiên T đã sử dụng số tài khoản 8310205016773 của mình chuyển vào số tài khoản 8310215001108 của Nông Thị D số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), sau khi nhận được tiền, D đã ra Ngân hàng A1 để tắt toán khoản vay Ngân hàng trước đó (thể hiện tại Chứng từ giao dịch ngày 13/3/2019 của Ngân hàng A1, tên khách hàng Nông Thị D, tổng số tiền tắt toán 185.458.000 đồng). Ngày 15/3/2019, sau khi đáo hạn ngân hàng xong, D đã vay Ngân hàng A1 Chi nhánh huyện T một khoản vay mới với số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng). Sau đó D đã yêu cầu Ngân hàng A1 chuyển hết số tiền này cho T, trong đó bao gồm 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền gốc vay ngày 13/3/2019 và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền lãi.

Với số tiền D trả lãi cho T là 10.000.000đồng nêu trên, xác định số thu lợi bất chính là 9.671.000 đồng (chín triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng) và lãi suất thực tế là 25.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 900%/01 năm, gấp 45 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trong khoảng thời gian từ ngày 26/3/2019 đến ngày 10/9/2019 Vũ Thiên T đã cho **Ma Hữu K** (sinh năm: 1990, trú tại: xóm N, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng) vay tiền 04 lần, trong đó xác định 03 lần cho vay với mức lãi xuất vượt quá quy định của Bộ luật dân năm 2015, cụ sự thể như sau:

Ngày 26/3/2019, Ma Hữu K đến gặp Vũ Thiên T để số tiền là vay 20.000.000đồng (hai mươi nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 216%/năm) và cứ 15 ngày thì K

phải trả cho T số tiền 1.800.000 đồng tiền lãi, tương đương 3.600.000 đồng/tháng, sau đó T đã đưa 20.000.000 đồng tiền mặt cho K. Vào các ngày 09/4/2019, 09/5/2019, 21/5/2019, 07/6/2019, 11/6/2019 và 24/6/2019, Ma Hữu K đã sử dụng số tài khoản 8310205053258 của mình chuyển khoản trả lãi cho Vũ Thiên T 06 lần với tổng số tiền 10.800.000 đồng để trả tiền lãi của khoản vay trên. Đến ngày 04/7/2019 thì K chuyển khoản trả cho T số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc vay và kết thúc khoản vay này.

Trong lần cho vay này xác định số tiền T đã thu lợi bất chính là 9.693.000 đồng (chín triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng). Lãi suất thực tế T cho K vay được xác định là 5.350 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 195,3%/01 năm, gấp 9,8 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài việc trực tiếp cho Ma Hữu K vay tiền thì Vũ Thiên T còn đưa cho Vũ Thiên T1 (sinh năm 1989, trú tại: tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng) là em trai của T với tổng số tiền là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) để T1 trực tiếp làm thủ tục cho Ma Hữu K vay và T1 cũng là người trực tiếp thu tiền lãi và gốc vay. Việc thanh toán tiền lãi thông qua chuyển khoản từ số tài khoản của Vũ Thiên T1 và Ma Hữu K, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 29/4/2019, Ma Hữu K đến nhà của Vũ Thiên T1 (trú tại Tổ A, thị trấn Đ, T, Cao Bằng) vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 180%/năm). Khi vay tiền, K và T1 làm hợp đồng vay tiền và K phải để lại Thẻ Đảng viên. Sau đó, T1 đã đưa cho K số tiền 50.000.000 đồng tiền mặt. Hàng tháng, K phải trả thuế cho T1 số tiền lãi là 7.500.000 đồng. Sau đó vào các ngày 29/5/2019 và ngày 29/6/2019, K đã sử dụng số tài khoản 8310205053258 chuyển tiền vào tài khoản 8310205038639 của Vũ Thiên T1 hai lần với tổng số 15.000.000 đồng (mỗi lần 7.500.000 đồng) để trả tiền lãi của khoản vay này. Đến ngày 09/7/2019 và ngày 10/7/2019, K đã chuyển khoản trả tiền gốc cho T1 hai lần, mỗi lần 25.000.000 đồng, (tổng cộng 50.000.000 đồng). Sau khi chuyển khoản trả hết tiền gốc và lãi vay, K mới đến nhà T1 để lấy giấy vay tiền và Thẻ Đảng viên, nhưng T1 đã yêu cầu K trả thêm số tiền 2.500.000 đồng là tiền lãi còn thiếu từ ngày 29/6/2019 đến ngày 10/7/2019 và K đã đưa tiền mặt cho T1 số tiền 2.500.000 đồng và nhận lại Thẻ Đảng viên. Sau khi thu đủ tiền gốc và lãi vay khoản tiền trên, Vũ Thiên T1 đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản của Trần Quốc V theo sự chỉ đạo của Vũ Thiên T.

- Lần thứ hai, ngày 10/9/2019, cũng như lần trước Ma Hữu K đến nhà của T1 để vay số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 180%/năm) và khi vay tiền, K và T1 làm hợp đồng và K phải để lại Thẻ Đảng viên. Sau đó, Vũ T6 đã đưa cho

K số tiền 60.000.000 đồng tiền mặt và hai bên thoả thuận cứ 15 ngày, K phải trả tiền lãi vay cho T1 một lần với số tiền là 4.500.000 đồng (từ ngày 25/9/2019 đến ngày 20/4/2020), K đã chuyển khoản trả lãi cho T1 11 lần với tổng số tiền 55.500.000 đồng (năm mươi năm triệu năm trăm nghìn đồng). Sau những lần nhận tiền lãi từ Kháng, T1 đã chuyển khoản cho Vũ Thiên T 10 lần với tổng số tiền 47.500.000 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Ngoài ra, các ngày 10/11/2019, 10/12/2019, 27/12/2019, 27/3/2020, K đã 04 lần đưa tiền mặt trả lãi cho T1 với tổng số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Sau đó do khó khăn không có tiền trả lãi hàng tháng nên K xin Thiêm nợ lại tiền lãi để trả sau. Đến ngày 15/8/2020, Ma Hữu K đến nhà của T1 để trả tiền gốc và tiền lãi còn lại. Tại đây, Vũ Thiên T1 tính tổng số tiền K còn nợ là 92.000.000 đồng (chín mươi hai triệu đồng), gồm 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) tiền gốc vay và 32.000.000 đồng tiền lãi. Do K chỉ cầm theo 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) tiền mặt nên K đã xin T1 bớt cho 12.000.000 đồng, nhưng T1 chỉ đồng ý bớt cho K số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) và K vẫn phải trả số tiền 84.000.000 đồng, nên K đã nợ lại Vũ Thiên T1 4.000.000 đồng để trả sau. Sau khi nhận 80.000.000 đồng do K trả, T1 đã đưa lại hợp đồng vay tiền cho K để K hủy đi, nhưng vẫn giữ lại T5 Đảng viên. Đến ngày 02/12/2020, K chuyển khoản cho T1 số tiền 4.000.000 đồng còn nợ, sau đó K đến nhà T1 lấy Thẻ Đảng viên mà trước đó K đã đưa cho T1 cầm cố. Tổng số tiền lãi của khoản vay này T1 đã thu của K là 91.500.000 đồng (chín mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), sau đó T1 chuyển khoản cho T 47.500.000 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), số chênh lệch còn lại 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng) T1 khai đã đưa cho T nhưng không có tài liệu chứng minh. Vì vậy T1 phải chịu trách nhiệm về khoản tiền này.

Quá trình điều tra, Vũ Thiên T1 đều khai nhận: Số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) mà T1 đã cho K vay đều do Vũ Thiên T đưa cho và nói đó là tiền cho Ma Hữu K vay, bản thân Vũ Thiên T1 là người trực tiếp đứng ra làm hợp đồng cho K vay tiền, thỏa thuận lãi suất, thu tiền lãi, tiền gốc với K và giữ giấy tờ của K. Sau khi thu tiền lãi và tiền gốc cho vay, T1 đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho T đầy đủ, bản thân T1 không giữ lại đồng nào.

Qua hai lần K trực tiếp nhận tiền vay từ Vũ Thiên T1 110.000.000 đồng, Ma Hữu K đã phải trả cho Thiêm 109.000.000 đồng (một trăm linh chín triệu đồng) tiền lãi, trong đó xác định số tiền thu lợi bất chính là 95.788.000 đồng (chín mươi năm triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng). Lãi suất thực tế cho vay là từ 4.472 đồng đến 4.795 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 163,2% đến 175,0%/năm, gấp 8,2 đến 8,8 lần lãi suất quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong đó, T được nhận 62.500.000 đồng tiền lãi (sáu mươi hai

triệu năm trăm nghìn đồng), T1 được nhận 46.500.000đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Đối với hai khoản vay này, T1 là người có vai trò giúp sức đắc lực cho T thực hiện hành vi phạm tội.

5. Vũ Thiên T cho **Vương Văn T3** (sinh năm: 1972; trú tại: Tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng) vay tiền 02 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất, ngày 25/11/2019, T3 vay Thăng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 180%/năm), hàng tháng T3 phải trả cho T 3.000.000 đồng tiền lãi. Khi vay tiền, T3 và T làm hợp đồng vay tiền nhưng không cầm cố tài sản gì. Sau đó T đã chuyển khoản 20.000.000 đồng vào số tài khoản 8310205012504 của T3. Sau đó trong các ngày 24/12/2019, 30/01/2020 và 24/02/2020, T3 đã chuyển tiền lãi vào số tài khoản 8310205016773 của T ba lần với tổng số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Đến ngày 25/3/2020, T3 đã chuyển khoản vào tài khoản của T số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng), gồm 20.000.000 đồng tiền gốc vay và 2.000.000 đồng tiền lãi.

Lần thứ hai, cuối tháng 5/2020 (không xác định rõ ngày cụ thể), T3 đến gặp T để vay số tiền là 20.000.000đồng và T đưa tiền mặt cho T3. Lãi suất thỏa thuận là 5.000đồng/1.000.000 đồng/01ngày (tương đương 180%/ năm). Khi vay tiền, T3 và T có làm hợp đồng vay nhưng không phải cầm cố tài sản gì. Hàng tháng T3 phải trả Thăng số tiền lãi là 3.000.000 đồng. Các ngày 30/6/2020 và 28/7/2020, T3 đã chuyển tiền vào số tài khoản 8310205016773 của T hai lần với tổng số tiền 6.000.000 đồng tiền lãi. Vài ngày sau thì T3 đã trả tiền gốc số tiền 20.000.000 đồng bằng tiền mặt cho T và T không tính thêm lãi và kết thúc khoản vay này.

Với hai lần T cho T3 vay tổng số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và số tiền lãi mà T đã thu của T3 là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng), xác định số tiền thu lợi bất chính là 14.687.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng) và với lãi suất thực tế cho vay được tính từ-3.371đồng đến 4.508đồng/1.000.000đồng/01ngày, tương đương 123% đến 164,5%/01 năm, gấp 6,2 lần đến 8,2 lần lãi suất cho phép theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Vũ Thiên T cho **Nông Đại L2** (sinh năm 1984, trú tại: xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng) vay tiền 02 lần. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất, ngày 08/01/2020, L2 đến gặp T để vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích để đáo hạn, lãi suất thỏa thuận là 3% của tổng khoản vay. Sau khi thỏa thuận xong, T đã đưa cho L2 150.000.000 đồng bằng tiền mặt. Khi vay tiền, L2 và T có làm hợp đồng vay tiền nhưng không cầm cố tài sản gì. Sau khi nhận được tiền vay từ T, L2 đã đến

Ngân hàng A1 chi nhánh huyện T để tất toán khoản vay trước đó. Ngày 09/01/2020, sau khi hoàn tất thủ tục đáo hạn ngân hàng X, L2 tiếp tục vay Ngân hàng Agribank huyện A1 khoản vay mới với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Sau đó, L2 đã sử dụng số tài khoản 8310205010182 chuyển tiền vào tài khoản số 8310205016773 của Vũ Thiên T 04 lần với tổng số tiền 154.500.000 đồng (Một trăm năm mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó bao gồm 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc vay và 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi một ngày cho khoản vay trên. Xác định lãi suất thực tế lần vay này là 03%/ngày, tương đương 1.080%/năm.

- Lần thứ hai, ngày 12/01/2021, Nông Đại L2 tiếp tục đến nhà T vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) để đáo hạn hợp đồng hợp đồng tín dụng số 8310LAV202000030 ngày 09/01/2020, lãi suất vay thỏa thuận là sau khi đáo hạn xong L2 sẽ phải trả cho Thằng 4% của khoản vay tương đương 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Khi vay tiền, L2 và T có làm hợp đồng vay tiền nhưng không cầm cố tài sản gì. Sau đó T đã đưa 200.000.000 đồng tiền mặt cho L2. Sau khi nhận tiền L2 đã đến Ngân hàng A1 chi nhánh huyện T để tất toán khoản vay. Đến ngày 14/01/2021, sau khi đáo hạn ngân hàng, L2 tiếp tục vay Ngân hàng A1 chi nhánh huyện T khoản vay mới với số tiền 200.000.000 đồng và mang tiền mặt đến quán trả cho T, đồng thời chuyển khoản cho T số tiền 7.900.000 đồng (bảy triệu chín trăm nghìn đồng) là tiền lãi của khoản vay này (do L2 không đủ 8.000.000 đồng để trả theo thỏa thuận nên chỉ trả 7.900.000 đồng) và kết thúc khoản vay này.

Xác định tổng số tiền hai lần T cho L2 vay là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), số tiền lãi Thằng đã thu của L2 là 12.400.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 11.907.000 đồng (mười một triệu chín trăm linh bảy nghìn đồng). Lãi suất thực tế từ 13.167 đồng đến 15.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 480,6% đến 547,5%/01 năm, gấp 24,0 đến 27,4 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Vũ Thiên T cho **Nông Thị H2** (sinh năm 1963, trú tại: xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng) vay tiền 01 lần, cụ thể: Ngày 31/8/2020, H2 đến quán của T7 để vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 216%/năm). Cùng ngày, T đã chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng vào số tài khoản 8310205008072 của Nông Thị H2. Khi vay tiền, H2 và T có làm hợp đồng vay tiền và H2 để lại Giấy chứng minh nhân dân. Ngày 02/10/2020, H2 chuyển khoản cho T số tiền 4.800.000 đồng là tiền lãi. Đến ngày 07/10/2020, H2 chuyển khoản cho T

31.600.000 đồng (ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng), bao gồm 30.000.000 đồng tiền gốc vay và 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi và kết thúc khoản vay này.

Với khoản tiền H2 vay Thăng 30.000.000đ, T đã thu lãi của H2 là 6.400.000đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 5.775.000 đồng (năm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Lãi suất thực tế H2 phải trả cho T là 5.614 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 204,9%/01 năm, gấp 10,2 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Vũ Thiên T cho **Đỗ Hải M1** (sinh năm: 1981; trú tại: Tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng) vay tiền 01 lần, cụ thể: Ngày 15/12/2020, M1 đến gặp T để vay số tiền 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng), hai bên thoả thuận lãi suất vay là 8.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 288%/năm). Sau khi thoả thuận xong, T đã đưa cho M1 10.000.000đồng tiền mặt và chuyển cho M1 5.000.000 đồng vào số tài khoản 8310205023211 của Đỗ Hải M1. Khi vay tiền T và M1 có làm hợp đồng vay tiền nhưng không cầm cố tài sản gì và thoả thuận hàng tháng M1 phải trả cho T số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi. Từ ngày 06/02/2021 đến ngày 02/12/2022, M1 đã chuyển tiền vào tài khoản của T 25 lần với tổng số tiền 73.200.000 đồng (bảy mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) để trả tiền lãi. Sau đó ngày 02/12/2022 M1 đã trả cho T 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) tiền gốc (trả bằng tiền mặt).

Với khoản tiền T cho Đỗ Hải M1 vay là 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng), T đã thu của M1 là 73.200.000 đồng (bảy mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 67.298.000 đồng (sáu mươi bảy triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng). Lãi suất thực tế Đỗ Hải M1 phải trả cho T là 6.797 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 248,1%/ 01 năm, gấp 12,4 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

9. Vũ Thiên T cho **Hoàng Văn H3** (sinh năm 1987, trú tại: xóm T, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng) vay tiền 01. Cụ thể: Ngày 18/5/2021, H3 vay T số tiền 62.150.000 đồng (sáu mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Cùng ngày, T đã chuyển khoản số tiền 62.150.000 đồng vào số tài khoản 8310205039444 của Hoàng Văn H3. Khi vay tiền, H3 và T làm hợp đồng vay tiền và H3 phải đặt lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho T giữ. Sau khi nhận được tiền, H3 đã đến Ngân hàng Agribank huyện A1 để tắt toán hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Ngày 19/5/2021, sau khi đáo hạn ngân hàng xong, H3 đã vay ngân hàng khoản vay mới với số tiền 65.000.000đồng (sáu mươi năm triệu đồng). Sau khi trừ tiền bảo hiểm khoản vay, còn lại 64.610.000 đồng (sáu mươi bốn triệu sáu trăm mười nghìn đồng),

Hoàng Văn H3 đã nhờ Ngân hàng Agri Bank huyện T chuyển hết số tiền 64.610.000 đồng (sáu mươi bốn triệu sáu trăm mười nghìn đồng) vào tài khoản 8310205016773 của Vũ Thiên T để trả tiền gốc và tiền lãi đã vay với T.

Với khoản tiền T cho H3 vay 62.150.000 đồng (sáu mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) nêu trên, 19/5/2021 T đã thu của Hoàng Văn H3 2.460.000 đồng (hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 2.392.000 đồng (hai triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng). Lãi suất thực tế là 19.791 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 722,4%/01 năm, gấp 36,1 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định cũng trong khoảng thời gian trên Vũ Thiên T còn cho nhiều người khác vay tiền với lãi suất cao. Tuy nhiên khi vay và trả lãi cho T, những người này không có giấy tờ ghi chép cụ thể, không có lịch sử giao dịch qua tài khoản ngân hàng do trả bằng tiền mặt, không nhớ được chính xác về thời gian trả lãi, gốc và số tiền đã trả nên chưa đủ căn cứ để xác định số tiền mà T đã thu lợi bất chính. Những người này gồm có: Triệu Văn N1 (sinh năm 1987, trú tại: tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Đặng Anh T4 (sinh năm: 1994; trú tại: xóm T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Triệu Khương D1 (sinh năm 1990, trú tại: xóm C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Triệu Thị K1 (sinh năm 1970, trú tại: xóm C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Đinh Mai A (sinh năm 1992, trú tại: xóm C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Nông Thị T8 (sinh năm 1956, trú tại: tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Nông Việt T9 (sinh năm 1991, trú tại: tổ C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Đinh Ngọc T10 (sinh năm 1982, trú tại: xóm G B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng); Nông Hải B (sinh năm 1982, trú tại: khu C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng) và Đàm Vũ P (sinh năm 1992, trú tại: tổ E, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Ngày 30/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Vũ Thiên T tại xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Qua khám xét khẩn cấp, Cơ quan điều tra đã tạm thu giữ các đồ vật, tài liệu sau: 02 văn bản thỏa thuận quyền sử dụng đất, được viết tay trên giấy vở học sinh, ghi ngày 24/11/2022, có tên: Triệu Xuân Q, Nông Thúy H4, Triệu Văn Q1; 01 Đơn xin xác nhận nhân khẩu, được viết giấy vở học sinh, ghi ngày 24/11/2022, người viết: Triệu Xuân Q; 01 quyển vở học sinh bìa màu trắng, có chữ “Haplus”, bên trong có nhiều chữ, số viết tay; 01 thẻ Căn cước công dân (CCCD) số: 001081013132, mang tên Nguyễn Văn Đ; 04 tay trên bản phôtô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) có số như sau: AP456483, AP443178, AP443180, DE712740, kèm 01 trích lục bản đồ địa chính; 01 bản phôtô CCCD số 004086010308 mang tên Triệu Q1; 03 tập hồ sơ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, gồm tổng cộng 40 tờ; 01 bản

phôtô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH623678; 25 tờ Hợp đồng mua bán cây; 01 bản photô Giấy chứng minh nhân dân số 080397648 mang tên Đinh Văn K2; 01 bộ giấy tờ liên quan đến đất đai (gồm tổng cộng 32 tờ), kèm theo 03 bản photô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số: AP683559, AP683560, AP683562; 01 bộ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (gồm tổng cộng 44 tờ), kèm theo 02 bản photô GCNQSDĐ số AM396417, AM396418; 01 tập giấy tờ liên + đến đất đai (gồm tổng cộng 15 tờ), kèm theo 04 bản photô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số: CY936664, CU906873, CY936850, CY936852; 01 cặp nilon chứa các giấy tờ liên quan đến hợp đồng mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, gồm tổng cộng 35 tờ; 01 tập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (gồm tổng cộng 16 tờ), kèm theo 04 bản photô GCNQSDĐ số BK074017, CP372810, AP683562, AI744123.

Ngoài ra, tạm giữ 02 điện thoại di động của Vũ Thiên T, gồm: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu iPhone, loại máy 11 Promax, mặt lưng màu xanh lá cây, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra được thông tin bên trong điện thoại (do Vũ Thiên T không cung cấp mật khẩu điện thoại); 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu iPhone, loại máy Xsmax, mặt lưng màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng, có số IMEI: 357283090679714, số IMEI2: 357283090751604, số seri: C39XH6W3KPH6.

Hành vi của Vũ Thiên T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015; Vũ Thiên T1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thiên T, Vũ Thiên T1 thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện. Về người vay, số tiền vay, số tiền lãi, số tiền trả là đúng. Tại phiên tòa bị cáo Vũ Thiên T xác nhận số tiền của người vay Ma Hữu K trả cho Vũ Thiên T1, T1 đã chuyển trả cho T đầy đủ, do tại giai đoạn điều tra bị cáo không nhớ nên mới khai không được nhận với Vũ Thiên T1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa: Quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ và tại đơn xin xét xử vắng mặt đều khai nhận về số tiền vay, lãi xuất, số tiền đã trả, nợ gốc phù hợp với cáo trạng và lời khai các bị cáo. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đều yêu cầu bị cáo trả lại khoản tiền lãi suất vượt quá quy định của Nhà nước.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa khai nhận về nội dung vụ án như bản Cáo trạng truy tố về số tiền vay, lãi xuất, số tiền đã trả, nợ gốc. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều yêu cầu bị cáo trả lại khoản tiền lãi suất vượt quá quy định của Nhà nước 20%.

Ngày 16-10-2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 49/CT-VKSCB.P2 truy tố Vũ Thiên T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, Vũ Thiên T1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vũ Thiên T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, Vũ Thiên T1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Thiên T, Vũ Thiên T1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thiên T từ 10-12 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 40.000.000đ–50.000.000đ để nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thiên T1 phạt tiền từ 80.000.000đ – 100.000.000đ đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về các biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo phải nộp lại khoản tiền cho vay và khoản tiền lãi xuất tương ứng 20%; đề nghị các bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá 20% cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với số tiền các bị cáo sử dụng để cho vay quá trình điều tra, xét xử xác định toàn bộ số tiền cho vay là do Vũ Thiên T bỏ ra; số tiền người vay Ma Hữu K trả gốc và lãi cho Vũ Thiên T1, T1 đã trả cho Vũ Thiên T; do vậy cần tịch thu toàn bộ đối với bị cáo T để nộp ngân sách Nhà nước và buộc bị cáo T trả lại khoản tiền thu lợi bất chính cho Ma Hữu K. Tại phiên tòa xác định được Vũ Thiên T dùng số tiền vốn ban đầu và số tiền thu lợi được để làm vốn cho vay quay vòng; do vậy cần xem xét trừ một khoản tiền cho vay đối với bị cáo.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính, buộc bị cáo Vũ Thiên T phải trả lại cho người vay.

Về xử lý vật chứng: xử tịch thu đối với bị cáo Vũ Thiên T 02 (hai) điện thoại di động: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu iPhone, mặt lưng màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra được thông tin bên trong điện thoại (do Vũ Thiên T không phối hợp cung cấp mật khẩu điện thoại); 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu iPhone, loại máy Xsmax, mặt lưng màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng, có số IMEI: 357283090679714, số IMEI 2: 357283090751604, số sê ri: C39XH6W3KPH6

Xử trả bị cáo Vũ Thiên T các giấy tờ tài liệu không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về án phí: Bị cáo Vũ Thiên T1, Vũ Thiên T phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bà Hà Thị H1 trình bày lời bào chữa cho bị cáo Vũ Thiên T: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Nhất trí như Cáo trạng truy tố và lời luận tội của vị Đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; về hoàn cảnh kinh tế, bị cáo là người dân làm ăn kinh doanh buôn bán nhiều mặt hàng, do kinh doanh bị cáo vay vốn Ngân hàng, khi những người dân hỏi vay bị cáo đã cho vay tiền; Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, số tiền thu lợi bất chính chỉ trên mức khởi điểm một chút theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Chỉ có 02 mã vay số tiền thu lợi bất chính trên 30.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính những người vay dưới 30.000.000đ, đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội chưa đạt đối với bị cáo. Tại giai đoạn điều tra, do thời gian đã lâu và trong thời gian tạm giam suy nghĩ lại nên tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng và bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và phạm tội chưa đạt, xử bị cáo mức án thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng vì hoàn cảnh kinh tế và tạm giam đã lâu. Về khoản tiền gốc, đề nghị xem xét.

Bị cáo Vũ Thiên T nhất trí với lời bào chữa, không có ý kiến bổ sung.

Bị cáo Vũ Thiên T1 nhất trí với lời luận tội, không có ý kiến tranh luận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp phần tranh luận: Giữ nguyên ý kiến như lời luận tội. Tại phiên tòa bị cáo chỉ khai nhận hành vi theo cáo trạng truy tố,

chưa thành khẩn ăn năn hối cải, do vậy không áp dụng tình tiết giảm nhẹ Thành khẩn khai báo đối với bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Vũ Thiên T đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt. Bị cáo Vũ Thiên T1 không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại giai đoạn điều tra bị cáo Vũ Thiên T không khai nhận về hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố đúng hành vi bị cáo thực hiện. Đối với Vũ Thiên T1 tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo về hành vi thực hiện; Xét lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội; phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là những người đã vay tiền với các bị cáo; trích xuất tài khoản Ngân hàng của các bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Lợi dụng việc được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2022, Vũ Thiên T đã thực hiện hành vi cho nhiều người dân đang sinh sống và làm việc trên địa bàn huyện T, tỉnh Cao Bằng vay tiền với lãi suất cao từ 3.000 đồng đến 25.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương từ 108% đến 900% trên một năm, cao gấp 5,4 lần đến 45 lần so với mức lãi suất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể: Vũ Thiên T đã cho 09 (chín) người gồm: Vương Văn T2, Ma Văn M, Nông Thị D, Ma Hữu K, Vương Văn T3, Nông Đại L2, Nông Thị H2, Đỗ Hải M1 và Hoàng Văn H3 vay với tổng số tiền 942.150.000 đồng (Chín trăm bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền lãi đã thu là 319.250.000 đồng (Ba trăm mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn), thu lợi bất chính số tiền 284.786.000 đồng

(Hai trăm tám mươi tư triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Trong đó có hai lần Vũ Thiên T1 thực hiện với vai trò giúp sức cho bị cáo Vũ Thiên T để cho Ma Hữu K vay số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), tổng số tiền lãi đã thu là 109.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 95.788.000 đồng (Chín mươi năm triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Vũ Thiên T, Vũ Thiên T1 đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân. Lợi dụng nhu cầu vay tiền để giải quyết các nhu cầu cấp bách phục vụ đời sống của người khác nhưng những người này lại không có đủ điều kiện vay tiền của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng của Nhà nước hoặc họ chỉ có nhu cầu vay trong thời gian rất ngắn để cho vay với mức lãi suất vượt gấp nhiều lần quy định, thu lợi bất chính số tiền lớn.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Vũ Thiên T, Vũ Thiên T1 có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích phạm tội là nhằm thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi đó của bị cáo Vũ Thiên T đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo Vũ Thiên T1 đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Vũ Thiên T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, Vũ Thiên T1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Đây là vụ án “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” do Vũ Thiên T và Vũ Thiên T1 cùng thực hiện. Hành vi các bị cáo thực hiện có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó Vũ Thiên T có vai trò là người chủ mưu, còn bị cáo Vũ Thiên T1 là người giữ vai trò giúp sức đối với khoản tiền cho Ma Hữu K vay 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), tổng số tiền lãi đã thu là 109.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 95.788.000 đồng (Chín mươi năm triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Cả 02 bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Vũ Thiên T phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Phạm tội từ hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Bị cáo Vũ Thiên T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có bố đẻ là người có nhiều thành tích trong kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Vũ Thiên T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Vũ Thiên T tại giai đoạn điều tra không thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận Bản Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là đúng, tuy nhiên bị cáo chỉ khai báo những hành vi Cáo trạng truy tố; xét thấy tại phiên tòa bị cáo Vũ Thiên T chưa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ Phạm tội chưa đạt đối với những mã vay thu lợi bất chính dưới 30.000.000đ đối với bị cáo T là không có căn cứ chấp nhận, vì không thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 6; Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 Hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ cần xem xét chấp nhận.

Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Vũ Thiên T hưởng mức án thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào tính chất loại tội các bị cáo phạm tội, mục đích hướng tới khi thực hiện hành vi là lợi nhuận, do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Vũ Thiên T; đối với bị cáo Vũ Thiên T1 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về Biện pháp tư pháp đối với tội cho vay lãi nặng:

Căn cứ Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 Hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, cần xử tịch thu:

[5.1] Đối với khoản tiền cho vay (tiền gốc):

Tổng số tiền các bị cáo cho vay 942.150.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), toàn bộ số tiền gốc là do bị cáo Vũ Thiên T cho vay, đây là phương tiện phạm tội nên cần truy thu toàn bộ số tiền

gốc đối với Vũ Thiên T nộp vào Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, quá trình điều tra và xét xử xác định được Vũ Thiên T sử dụng số vốn ban đầu 200.000.000đ cho những người vay sau đó lấy số tiền gốc và số tiền lãi người vay trả để làm vốn cho vay xoay vòng từ năm 2018. Vì vậy, có căn cứ xác định số tiền gốc cần truy thu là 742.150.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa xác định được số tiền Ma Hữu K trả gốc và lãi thì Vũ Thiên T1 đã chuyển khoản và trả tiền mặt cho T đầy đủ, do vậy bị cáo Vũ Thiên T phải chịu trách nhiệm toàn bộ khoản tiền này.

[5.2] Về khoản tiền lãi và khoản tiền thu lợi bất chính:

* Khoản tiền lãi suất tương ứng với lãi suất 20%/năm là 34.464.000đ (*Ba mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn đồng*), đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

* Đối với khoản tiền lãi suất vượt quá trên 20%/năm, đây là khoản tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính từ những người vay cần được trả lại cho người vay. Tại phiên tòa và tại đơn xin xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu các bị cáo trả lại tiền lãi bất hợp pháp, cần xử buộc bị cáo Vũ Thiên T trả khoản tiền thu lợi bất chính (khoản tiền vượt quá lãi suất nhà nước quy định) cho những người vay.

Tại phiên tòa xác định được số tiền Ma Hữu K trả gốc và lãi thì Vũ Thiên T1 đã chuyển khoản và trả tiền mặt cho T đầy đủ, do vậy bị cáo Vũ Thiên T phải chịu trách nhiệm toàn bộ khoản tiền này.

[6] Về án phí: Các bị cáo Vũ Thiên T, Vũ Thiên T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Thiên T, Vũ Thiên T1 phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

* Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thiên T-10 (mười) tháng tù; thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là 09/5/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Thiên T một khoản tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thiên T1 số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

** Truy thu nộp vào ngân sách nhà nước đối với bị cáo Vũ Thiên T:*

+ Số tiền gốc 742.150.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

+ Số tiền lãi suất tương ứng với lãi suất 20%/năm là 34.464.000đ (Ba mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Tổng cộng: Bị cáo Vũ Thiên T phải nộp số tiền **776.614.000^d** (Bảy trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

** Buộc bị cáo Vũ Thiên T phải trả cho người có quyền lợi*, nghĩa vụ liên quan: Khoản tiền thu lợi bất chính phần tiền lãi vượt mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự cho người vay tiền đã trả hết tiền gốc và tiền lãi với tổng số tiền là 284.786.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Trả cho ông Vương Văn T2, sinh năm 1991; trú tại: Xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 59.514.000 đồng (năm mươi chín năm mươi bốn nghìn đồng);

+ Trả cho ông Ma Văn M, sinh năm 1980; trú tại: Tổ A, Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 9.061.000 đồng (chín triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng).

+ Trả cho bà Nông Thị D, sinh năm 1976; trú tại: xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 9.671.000 đồng (chín triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng).

+ Trả cho ông Ma Hữu K, sinh năm 1990; Trú tại: Ban chỉ huy quân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 104.481.000 đồng (một trăm linh bốn triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng).

+ Trả cho ông Vương Văn T3, sinh năm sinh năm 1972; Trú tại: Tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 14.687.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

+ Trả cho ông Nông Đại L2, sinh năm 1984; Trú tại: xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 11.907.000 đồng (mười một triệu chín trăm linh bảy nghìn đồng).

+ Trả cho bà Nông Thị H2, sinh năm 1963; Trú tại: xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 5.775.000 đồng (Năm triệu bảy trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

+ Trả cho Đỗ Hải M1, sinh năm 1981; Trú tại: Tổ A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 67.298.000 đồng (sáu mươi bảy triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng).

+ Trả cho ông Hoàng Văn H3, sinh năm 1987; Trú tại: Xóm T, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 2.392.000 đồng (Hai triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng).

2.1: Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* *Xử tịch thu đối với bị cáo Vũ Thiên T 02 (hai) điện thoại di động để hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:* 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu iPhone, mặt lưng màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra được thông tin bên trong điện thoại (do Vũ Thiên T không phối hợp cung cấp mật khẩu điện thoại); 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu iPhone, loại máy Xsmax, mặt lưng màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng, có số IMEI: 357283090679714, số IMEI 2: 357283090751604, số sê ri: C39XH6W3KPH6.

* *Xử trả bị cáo Vũ Thiên T các giấy tờ sau:*

- 02 (hai) văn bản thỏa thuận quyền sử dụng đất, được viết tay trên giấy vở học sinh, ghi ngày 24/11/2022, có tên: Triệu Xuân Q, Nông Thúy H4, Triệu Văn Q1.

- 01 (một) Đơn xin xác nhận nhân khẩu, được viết tay trên giấy vở học sinh, ghi ngày 24/11/2022, người viết: Triệu Xuân Q.

- 01 (một) quyển vở học sinh bìa màu trắng, có chữ “Haplus”, bên trong có nhiều chữ, số viết tay.

- 01 (một) thẻ Căn cước công dân số: 001081013132, mang tên Nguyễn Văn Đ.

- 04 (bốn) bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) có số như sau: AP456483, AP443178, AP443180, DE712740, kèm 01 trích lục bản đồ địa chính.

- 01 (một) bản photo căn cước công dân số 004086010308 mang tên Triệu Q1;

- 03 (ba) tập hồ sơ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, gồm tổng cộng 40 tờ.

- 01 (một) bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH623678.

- 25 (hai mươi năm) Hợp đồng mua bán cây;

- 01 (một) bản photo Giấy chứng minh nhân dân số 080397648 mang tên Đinh Văn K3;

- 01 (một) bộ giấy tờ liên quan đến đất đai (gồm tổng cộng 32 tờ), kèm theo 03 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số: AP683559, AP683560, AP683562.

- 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (gồm tổng cộng 44 tờ), kèm theo 02 bản photo GCNQSDĐ số AM396417, AM396418;

- 01 (một) tập giấy tờ liên quan đến đất đai (gồm tổng cộng 15 tờ), kèm theo 04 bản phôtô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số: CY936664, CU906873, CY936850, CY936852;

- 01 (một) cặp nilon chứa các giấy tờ liên quan đến hợp đồng mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, gồm tổng cộng 35 tờ;

- 01 (một) tập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (gồm tổng cộng 16 tờ), kèm theo 04 bản phôtô GCNQSDĐ số BK074017, CP372810, AP683562, AI744123.

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 16 ngày 16 tháng 10 năm 2023.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Vũ Thiên T, Vũ Thiên T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Vũ Thiên T, Vũ Thiên T1 có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CQCSĐT Công an tỉnh CB (PC02);
- P.THAHS và HTTP Công an tỉnh CB (PC10).
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB (PV06);
- Sở Tư pháp CB;
- Trại tạm giam CA tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA (02);
- Cục THA dân sự tỉnh CB;
- Những NTGTT;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nông Biên Hòa

